

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP xác định điểm cắt theo các tiêu chí thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo riêng của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

*Nhóm tác giả**

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu xây dựng phương pháp xác định điểm cắt theo các tiêu chí thu nhập phục vụ cho việc rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo tại Việt Nam giai đoạn 2022-2025. Sử dụng phương pháp Proxy Mean Test (PMT), nghiên cứu khai thác dữ liệu từ các cuộc khảo sát mức sống hộ gia đình và các chỉ số thay thế. Qua đó, đề xuất các giải pháp cải tiến phương pháp hiện tại, nhằm đảm bảo tính phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, giảm chi phí và nâng cao tính chính xác trong công tác xác định đối tượng nghèo.

1. Tổng quan

Ngày 18/01/2022, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu giảm nghèo đa chiều một cách bền vững, hạn chế tái nghèo và hỗ trợ người nghèo vượt qua mức sống tối thiểu. Tuy nhiên, việc xác định đúng đối tượng nghèo,

đặc biệt tại các địa phương có đặc điểm kinh tế-xã hội khác nhau, là một thách thức lớn.

Phương pháp Proxy Mean Test (PMT) là một công cụ được sử dụng phổ biến trong các chương trình bảo trợ xã hội tại các nước đang phát triển. Phương pháp này dựa trên các mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để ước lượng thu nhập hộ gia đình thông qua các yếu tố thay thế như tài sản, đặc điểm nhân khẩu học. Các nghiên cứu quốc tế tại Bangladesh, Indonesia, Sri Lanka đã chứng minh rằng PMT là một phương pháp tiết kiệm thời gian và chi phí, giúp xác định nhanh chóng các hộ nghèo dựa trên các chỉ số dễ thu thập.

Phương pháp PMT được ứng dụng chủ yếu đánh giá các chương trình xã hội, mà trong đó chủ yếu là đo lường nghèo đói. Lý giải vì sao phương pháp PMT lại được ứng dụng rộng rãi trong việc xác định các nhóm đối tượng mục tiêu của chương trình xã hội là bởi vì họ là những nhóm đối tượng cần được quan tâm vì vậy cần có thông tin về tình trạng kinh tế để xác định họ có thuộc đối tượng cần bảo trợ xã hội không. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên việc đo lường chỉ tiêu về thu nhập qua điều tra yêu cầu bảng hỏi dài, tốn nhiều thời gian, và công sức của người đi thu thập cũng như số liệu có thể sai

**Phạm Thị Quỳnh Lợi, Nguyễn Thế Quân, Nguyễn Đức Hạnh, Tô Thúy Hạnh, Nguyễn Việt Cường, Phạm Minh Thu, Ngô Doãn Thắng, Cao Thanh Sơn, Phạm Thị Hạnh, Nguyễn Thị Khánh Huyền_Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường*

số nhiều do thông tin khai báo của người trả lời. Vì vậy, phương pháp PMT là giải pháp phù hợp để đo lường thường xuyên (hàng năm) đối với nhóm đối tượng này.

Có thể thấy phương pháp PMT ứng dụng đo lường chủ yếu là vấn đề nghèo đói:

- Xác định hộ nghèo: Nghèo theo chuẩn quốc tế là những người có mức chi tiêu bình quân đầu người dưới ngưỡng nghèo (1,9 USD/người/ngày-chuẩn nghèo của Ngân hàng Thế giới tính theo giá PPP 2011 hoặc 3,65 USD/người/ngày-chuẩn nghèo Ngân hàng Thế giới tính theo giá PPP 2017 cho những nước thu nhập trung bình thấp). Như vậy, để xác định một hộ gia đình nghèo hay không cần xác định chi tiêu bình quân đầu người của hộ có dưới ngưỡng nghèo hay không. Thay vì khảo sát chi tiêu của hộ người ta có thể đo lường các đặc trưng của hộ gia đình và sử dụng phương pháp PMT để ước lượng chi tiêu của hộ và xác định khả năng hộ rơi vào cảnh nghèo.

Tại Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) ứng dụng phương pháp PMT để thực hiện rà soát hộ nghèo từ năm 2015. Phương pháp này đã thay thế việc điều tra thu nhập trực tiếp của các hộ gia đình, thay vào đó, xác định nghèo dựa trên các đặc điểm tài sản và điều kiện sống. PMT được coi là bước tiến quan trọng trong việc tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu sai số trong quá trình điều tra.

- Tại các quốc gia đang phát triển, phương pháp PMT được coi là một phương pháp phổ biến để nhận dạng người nghèo. Cũng tương tự Việt Nam, các quốc gia khác cũng sử dụng phương pháp PMT để ước lượng thu nhập, tuy nhiên các nghiên cứu cho thấy sai số sẽ phát sinh nhiều hơn khi tỷ lệ nghèo quá thấp. Một trong những yếu tố gây ra sai số cho phương pháp PMT chính là sự phân hóa rõ rệt của quốc gia.

Việc sử dụng phương pháp PMT bước đầu là để xác định đối tượng nghèo, tiếp đến chính là thực hiện các chương trình chính sách với đối tượng được xác định. Chính vì vậy ứng dụng của phương pháp PMT có thể hiểu là để nhằm tìm và xác định hộ nghèo, người nghèo hoặc cũng có thể hiểu là ứng dụng để thực hiện các chương trình trợ giúp xã hội.

2. Thực trạng công tác xác định hộ nghèo tại Việt Nam

Phương pháp xác định hộ nghèo hiện nay tại Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo đa chiều, được quy định trong Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH. Theo đó, chuẩn nghèo không chỉ dựa trên thu nhập mà còn dựa trên các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, và nước sạch. Tuy nhiên, phương pháp hiện tại gặp phải nhiều khó khăn trong việc điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù kinh tế-xã hội của các địa phương.

Thông tư 07 và Thông tư 02 của Bộ LĐTBXH quy định về phương pháp đánh giá, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phương pháp này dựa trên một hệ thống chấm điểm với nhiều chỉ tiêu khác nhau, phản ánh điều kiện sống, mức độ tiếp cận dịch vụ cơ bản, và khả năng kinh tế của hộ gia đình. Phương pháp chấm điểm này được xây dựng dựa trên một loạt các chỉ tiêu cụ thể nhằm xác định mức độ nghèo đói của các hộ gia đình. Các chỉ tiêu này bao gồm nhiều khía cạnh khác như giáo dục, y tế, nhà ở, học vấn, số người phục thuộc, số lao động, vùng địa lý và điều kiện sống,... Việc sử dụng nhiều chỉ tiêu giúp đảm bảo tính toàn diện, phản ánh được nhiều khía cạnh của đời sống và điều kiện kinh tế của các hộ gia đình.

Mỗi hộ gia đình sẽ được chấm điểm dựa trên các chỉ tiêu trên. Mỗi chỉ tiêu được tính

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

điểm riêng biệt dựa trên mức độ thỏa mãn của hộ gia đình. Tổng số điểm của một hộ sẽ được so sánh với các ngưỡng điểm đã được xác định trước để xếp hạng hộ đó vào nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoặc không nghèo. Phương pháp này mang tính toàn diện và phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội của Việt Nam, giúp xác định một cách chính xác và công bằng hơn các hộ nghèo, hộ cận nghèo, từ đó đề ra các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Để xác định được số điểm của từng gia đình thông qua khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm được quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư 02, từ đó ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Quá trình khảo sát sẽ thực hiện thu thập thông tin của hai loại phiếu B1 và B2.

Mỗi tiêu chí trong phiếu B1 của mỗi vùng miền được xác định một số điểm cụ thể, số điểm của từng tiêu chí có thể bằng hoặc khác nhau giữa các vùng. Căn cứ kết quả điểm của hai loại phiếu này và căn cứ vào quy định để xác định hộ nghèo và cận nghèo như sau:

Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A, được xác định bằng tổng điểm Phiếu B1):

+ Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B, được xác định bằng tổng điểm Phiếu B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Hộ nghèo: hộ có điểm $A < 140$ điểm và điểm $B > 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A < 175$ điểm và điểm $B > 30$ điểm ở khu vực thành thị;

Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A < 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A < 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

3. Hạn chế của phương pháp hiện nay

Một trong những hạn chế chính của phương pháp hiện tại là việc sử dụng chuẩn nghèo đồng nhất cho tất cả các tỉnh thành, mặc dù các tỉnh có điều kiện kinh tế khác nhau. Điều này dẫn đến việc xác định hộ nghèo không phản ánh đúng thực tế. Đặc biệt, các tỉnh vùng sâu vùng xa có thể bị bỏ sót hoặc xác định sai đối tượng nghèo (Báo cáo tổng hợp_PMT BV...).

- Hệ thống phiếu điều tra nhiều, khá phức tạp nên quá trình thu thập thông tin còn chưa đầy đủ. Việc xác định chiều cao, cân nặng của nhân khẩu là trẻ em trong quá trình rà soát mất nhiều thời gian và không khoa học. Khối lượng công việc, mẫu biểu thực hiện điều tra có thay đổi so với giai đoạn trước nên việc lấy phiếu xác định mức thu nhập, các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản gặp nhiều khó khăn.

- Quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng chung toàn quốc, do đó có những tiêu chí chưa đánh giá đúng mức theo vùng, khu vực cụ thể. Một số tiêu chí chưa thật sự phù hợp với điều kiện đặc thù của các địa phương, dẫn đến điểm chấm đạt theo quy định, nhưng hộ vẫn còn khó khăn (theo tài sản hộ gia đình đang sử dụng). Chẳng hạn, trong thực tế, nhiều hộ gia đình ở các địa bàn khác nhau đều sở hữu các tài sản phổ biến như xe máy, nhà ở bền chắc, tivi, tủ lạnh, điện thoại, máy vi tính, nhưng mức sống vẫn gặp nhiều khó khăn do thu nhập không ổn định và lao động bấp bênh.

Tuy nhiên, theo quy định chấm điểm hiện hành, các tài sản này có điểm khá cao, dẫn đến nhiều hộ mặc dù có mức sống khó khăn, thu nhập không thường xuyên, không ổn định nhưng điểm vẫn vượt mức chuẩn nghèo, cận nghèo và không nhận được sự hỗ trợ cần thiết. Hoặc cùng một loại tài sản nhưng giá trị chênh lệch lớn, lại vẫn có điểm bằng nhau là không chính xác, thiếu thỏa đáng.

Cách xác định hộ nghèo, cận nghèo dựa trên chấm điểm cũng đang cho thấy một hệ lụy khác, đó là việc cố tình "lách luật" của người dân như một số người dân cố tình giấu tài sản, chuyển nhượng hoặc bán đi để giảm điểm và gây khó khăn cho quá trình điều tra; hoặc hộ có khả năng nhưng không xây nhà, không mua sắm tài sản, dẫn đến số điểm chấm đạt thấp và đương nhiên, họ thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo. Đặc biệt, hiện vẫn thiếu các tiêu chí, cơ chế và giải pháp giúp điều tra viên nắm bắt chính xác tài sản, nguồn gốc/giá trị tài sản và nguồn thu nhập của hộ dân. Điều đó dẫn đến một thực tế là, đối với các tài sản cố định như đất đai, nhà cửa thì có thể xác minh trực quan và chấm điểm. Còn với tài sản không cố định như vật dụng sinh hoạt, vật nuôi và nhất là các nguồn thu nhập, thì rất khó xác minh tính chính xác và phần nào phải trông chờ vào sự khai báo trung thực của người dân.

- Mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07 được đánh giá là quá thấp so với tiêu chí thu nhập của xã nông thôn mới. Điều này dẫn đến một số hộ tuy thoát nghèo theo các tiêu chí nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Việc mức chuẩn nghèo chưa phù hợp với thực tế kinh tế-xã hội gây khó khăn trong việc xác định và hỗ trợ đúng đối tượng cần thiết, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội bền vững.

- Số hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ yếu rơi vào các hộ là người cao tuổi, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội, hộ đơn thân nuôi con, hộ người khuyết tật, hộ có đông con, hộ có người mắc bệnh hiểm nghèo,... Đa số những hộ cận nghèo còn lại gồm những hộ già yếu, bệnh tật, ốm đau, đông người ăn theo, không có khả năng lao động tạo ra thu nhập nên cũng gây khó khăn trong việc xây dựng chỉ tiêu giảm hộ cận nghèo trong năm tiếp theo.

Những khó khăn và thách thức trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đòi hỏi sự quan tâm và giải quyết kịp thời từ các cấp chính quyền. Cần có sự cải thiện trong việc đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ rà soát viên, tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho người dân, cũng như sự sát sao và quyết liệt hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát. Đồng thời, việc điều chỉnh mức chuẩn nghèo và bộ công cụ rà soát cho phù hợp với thực tế từng vùng, miền cũng là yếu tố quan trọng để đảm bảo công tác rà soát được thực hiện chính xác và hiệu quả, từ đó góp phần vào mục tiêu giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trên khắp cả nước.

4. Đề xuất phương pháp xác định điểm cắt theo các tiêu chí thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo riêng của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Qua nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế và tình hình thực tế triển khai rà soát hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương, nghiên cứu đề xuất quy trình và phương pháp xác định điểm cắt theo tiêu chí thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo riêng của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quy trình và phương pháp thực hiện đề xuất như sau.

Bước 1: Lựa chọn bộ số liệu

Bộ số liệu được khuyến nghị trong tính toán và xác định điểm cắt nghèo là bộ số liệu về hộ gia đình, chứa thông tin về thu nhập của hộ. Ngoài Khảo sát mức sống dân cư, tại các tỉnh, thành phố trong các năm sắp tới sẽ tiến hành khảo sát thu thập thông tin về thu nhập của hộ gia đình để tính toán chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người cấp huyện. Đây cũng là một nguồn số liệu tin cậy với cỡ mẫu tốt hơn KSMSDC nếu địa phương có ý định tự xây dựng chuẩn nghèo và bộ công cụ rà soát nghèo riêng biệt có thể sử dụng.

Bước 2: Xây dựng mô hình hồi quy đa biến

Xây dựng mô hình hồi quy đa biến với biến phụ thuộc là logarit nepe của thu nhập bình quân đầu người hộ gia đình và các biến giải thích là đặc điểm của hộ.

Mô hình có dạng:

$$\ln(Y_i) = \alpha + \beta_i + \varepsilon_i$$

Trong đó: Y_i : Thu nhập bình quân đầu người hộ gia đình,

ε_i đại diện cho ảnh hưởng của các biến nhiễu không quan sát được.

Các biến giải thích có thể đưa vào mô hình có tương quan cao tới thu nhập của hộ, gồm:

- Nhóm biến phản ánh đặc điểm của chủ hộ: dân tộc, giới tính, tình trạng hôn nhân, bằng cấp/trình độ cao nhất;

- Nhóm biến phản ánh đặc điểm thành viên hộ: quy mô hộ, số người trong độ tuổi phụ thuộc, số người thuộc độ tuổi lao động, tình trạng việc làm, bằng cấp cao nhất;

- Nhóm biến phản ánh cấu trúc nhà ở: diện tích ở bình quân, vật liệu cấu tạo cột, mái, tường; nguồn nước uống/sinh hoạt sử dụng, loại hình sở hữu nhà;

- Nhóm biến về tài sản đồ dùng lâu bền: tivi, máy tính, điện thoại, tủ lạnh, máy giặt, bình nóng lạnh, điều hòa, xe máy, xe đạp, xuồng ghe, ô tô,...

Các biến được đưa vào mô hình dưới dạng các biến giả (nhận giá trị 0,1)

Các biến được chọn vào mô hình cần có ý nghĩa thống kê, hợp lý về dấu và độ lớn sau khi đã loại bỏ các biến đa cộng tuyến cao và thực hiện kiểm định các giả định của mô hình OLS.

Do hệ số các biến được coi như trọng số trong các bước quy ước điểm sau nên giá trị gốc dùng để tham chiếu của các biến giải thích được chọn để tất cả các hệ số của các biến mang dấu (+) và R^2 có giá trị $>0,3$.

Bước 3: Ước lượng điểm

Sau khi có mô hình hợp lý ở bước 2, sử dụng hệ số các biến giải thích của mô hình để xây dựng bảng chấm điểm cho các chỉ tiêu sử dụng các nhóm phân vị giá trị dự báo hiệu chỉnh theo phân phối cộng dồn thực tế của thu nhập thực tế và phân phối cộng dồn của log thu nhập bình quân hộ dự báo. Có thể mô tả quá trình ước lượng điểm như sau:

- Tính điểm lần 1 cho các biến giải thích thích bằng cách nhân hệ số với 100;

- Dựa vào điểm lần 1, tính tổng điểm tài sản tương ứng cho từng hộ gia đình;

- Điều chỉnh điểm lần 1 sao cho tỷ lệ nghèo theo tổng điểm tài sản bằng tỷ lệ nghèo theo chuẩn nghèo thu nhập của cả nước.

Bước 4: Xác định các giá trị điểm tài sản ứng với các giá trị thu nhập theo yêu cầu riêng của địa phương.

Với mỗi mức thu nhập sẽ tính được tỷ lệ hộ có thu nhập bình quân dưới mức thu nhập dự kiến (x%). Xác định nhóm hộ thuộc x% điểm tài sản thấp nhất. Điểm tài sản cao nhất

trong nhóm hộ này chính là mức điểm tương ứng với mức thu nhập cần tính.

Bước 5: Đánh giá ước lượng điểm

Có thể đánh giá ước lượng điểm có sát với ước lượng qua thu nhập bình quân hộ, bằng các cách:

- Tính toán tỷ lệ bao phủ và tỷ lệ rò rỉ với từng ngưỡng thu nhập:

+ Tỷ lệ bao phủ = Số hộ dưới ngưỡng điểm tương ứng với ngưỡng thu nhập / Tổng số hộ nghèo theo ngưỡng thu nhập.

+ Tỷ lệ rò rỉ = Số hộ trên ngưỡng điểm tương ứng với ngưỡng thu nhập nhưng bị xếp dưới ngưỡng điểm tương ứng với ngưỡng thu nhập / Tổng số hộ nghèo theo ngưỡng thu nhập.

Tổng tỷ lệ bao phủ và tỷ lệ rò rỉ là 100%. Tỷ lệ bao phủ càng cao thì giá trị ước lượng điểm cắt theo điểm càng gần với thực tế.

- Lấy ý kiến địa phương

5. Thử nghiệm phương pháp xác định điểm cắt theo mức thu nhập cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thực tế cho Hà Nội

Nghiên cứu căn cứ vào các biến chấm điểm và điểm số tương ứng của các biến trong Phiếu quy ước điểm B1 của Thông tư 02 để xây dựng lại 6 mô hình hồi quy cho khu vực nông thôn của 6 vùng và 1 mô hình hồi quy cho khu vực thành thị chung của toàn quốc. Việc xem xét chất lượng các mô hình hồi quy và ý nghĩa các hệ số trong mô hình của từng vùng sẽ giúp đánh giá mức độ tương quan của tổng điểm tài sản rà soát theo Thông tư 02 với thu nhập thực tế của các hộ theo số liệu điều tra. Các mô hình hồi quy sẽ có biến phụ thuộc là thu nhập bình quân đầu người/tháng (dạng hàm logarit nepe) và các biến độc lập là các biến chấm

điểm trong Thông tư 02. Riêng mô hình cho khu vực thành thị chung toàn quốc sẽ có thêm các biến giả vùng. Bảng giá trị các hệ số của 7 mô hình này được giới thiệu ở phần Phụ lục. Quan sát kết quả 7 mô hình ta thấy hầu hết các hệ số của biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê chấp nhận được ($p < 0,1$). Một số biến độc lập có hệ số âm, không có ý nghĩa thống kê và ý nghĩa về mặt kinh tế xã hội đều có mức điểm thấp và chiếm tỷ trọng thấp trong Phiếu quy ước điểm. Hệ số R^2 các mô hình dao động từ 0.36 đến 0.61. Tuy nhiên có 2 biến có giá trị pvalue cao ở tất cả các vùng là các biến về đất đai và chăn nuôi. 2 biến này cần được rà soát và đánh giá lại về vai trò của biến trong mô hình hồi quy tài sản. Hệ số các biến trong mô hình hồi quy là căn cứ để xây dựng bảng điểm số trong rà soát hộ nghèo. Như vậy ta quan sát thấy có sự thay đổi về hệ số và ý nghĩa các hệ số trong các mô hình hồi quy ở một số ít biến ở tất cả các vùng hoặc chỉ xảy ra ở hệ số của 1 vùng. Những thay đổi này có thể gây ảnh hưởng đến một số (tuy không nhiều) điểm số chỉ tiêu trong bảng quy ước chấm điểm. Trong phạm vi đề tài sẽ không thay đổi bảng quy ước chấm điểm của Thông tư 02. Đề tài vẫn sẽ sử dụng bảng quy ước chấm điểm để tính toán điểm cắt nghèo và quan sát ảnh hưởng của bảng quy ước tới các điểm cắt (nếu có).

Dựa vào Thông tư 02, tính điểm tài sản của từng hộ trong bộ dữ liệu khảo sát. Từ điểm tài sản và dữ liệu thu nhập thực tế điều tra, áp dụng phương pháp được đề xuất ở Chương 2 để xác định điểm cắt nghèo của cả nước. Mục đích là xác định các mức điểm tài sản cho khu vực nông thôn và thành thị tương ứng với các mức thu nhập dưới mức sống tối thiểu và trên chuẩn nghèo chung toàn quốc. Các mức thu nhập cần được xác định điểm như sau:

Bảng 1. Mức thu nhập cần xác định điểm

1000 đồng

	Mức thu nhập dự kiến	
	Nông thôn	Thành thị
1	1.600	2.100
2	1.700	2.200
3	1.800	2.300
4	1.900	2.400
5	2.000	2.500
6	2.100	2.600

(2) Xây dựng 6 mô hình mới cho 6 vùng kinh tế-xã hội, từ đó tính các điểm cắt nghèo cho từng vùng.

(3) Lựa chọn Hà Nội (là 1 trong 9 địa phương đã ban hành chuẩn nghèo riêng) để thử nghiệm xây dựng mô hình theo phương pháp PMT cấp tỉnh và xác định điểm cắt nghèo riêng cho địa phương.

Nhằm khắc phục tồn tại và đảm bảo tính cập nhật, số liệu dùng trong các tính toán thử nghiệm là bộ số liệu Khảo sát mức sống dân cư năm 2022. Đối với việc xây dựng lại các mô hình hồi quy cấp vùng cũng như xác định điểm cắt từng vùng, cần tạo thêm các biến trong bộ số liệu theo các biến chấm điểm trong Thông tư 02. Trong 15 biến chấm điểm theo Thông tư 02 có biến về lượng điện tiêu thụ bình quân 1 tháng của hộ chỉ có thông tin trong bộ số liệu thu nhập-chi tiêu của Khảo sát mức sống dân cư. Vì vậy, đề tài sẽ sử dụng bộ dữ liệu mẫu thu nhập-chi tiêu của Khảo sát mức sống dân cư đối với các mô hình và ước lượng cấp vùng. Thử nghiệm xây dựng mô hình cấp tỉnh được tính toán trên bộ số liệu đầy đủ 46.995 hộ của Khảo sát mức sống dân cư.

5.1. Xác định điểm cắt chung cho cả nước

Điểm cắt chung cho cả nước được tính như sau:

- Sử dụng bộ số liệu Khảo sát mức sống dân cư biến thu nhập chi tiêu, tạo các biến tương ứng như trong Bảng quy ước chấm điểm Thông tư 02. Trong 15 biến, từ bảng câu hỏi Khảo sát mức sống dân cư có thể tạo được 13 biến hoàn toàn trùng khớp với Bảng quy ước chấm điểm. Còn 2 biến thiếu thông tin cần thay thế là hộ có ít nhất 1 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 3 tháng trở lên trong 12 tháng qua) và thông tin về chăn nuôi của hộ.

- Áp điểm của Bảng quy ước chấm điểm để tính ra điểm tài sản cho từng hộ.

- Với mỗi mức thu nhập, dựa vào thu nhập của hộ điều tra thực tế để tài sẽ tính được tỷ lệ hộ có thu nhập bình quân dưới mức thu nhập dự kiến (x%) riêng theo thành thị và nông thôn. Sử dụng bảng quy ước điểm để tính điểm tài sản của từng hộ và xác định nhóm hộ thuộc x% điểm tài sản thấp nhất. Điểm tài sản cao nhất trong nhóm hộ này chính là mức điểm tương ứng với mức thu nhập cần tính.

Bảng 2. Kết quả tính toán điểm cắt chung cho cả nước

	Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng)	Chung cả nước (điểm)	
		Nông thôn	Thành thị
1	1.600	150	
2	1.700	155	
3	1.800	160	
4	1.900	165	
5	2.000	170	
6	2.100	175	185
7	2.200		190
8	2.300		190
9	2.400		195
10	2.500		195
11	2.600		200

Nguồn: Tính toán của tác giả

5.2. Xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng

Đồng bằng sông Hồng có vị trí địa lý thuộc khu vực hạ lưu sông Hồng và sông Thái Bình vịnh Bắc Bộ, bao gồm 9 tỉnh và 2 thành phố trực thuộc Trung ương. Diện tích của vùng là 21278,46 km² (chiếm tỷ lệ 6,4% diện tích cả nước) với mật độ dân số là 1091 người/km² cao gấp 3 lần mật độ trung bình của cả nước (297 người/km²). Thu nhập bình quân đầu người/tháng của cả vùng luôn đứng

thứ hai cả nước trong nhiều năm liền. Giai đoạn 2021-2025, có 3/9 tỉnh công bố chuẩn nghèo riêng thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng là Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

Kết quả hồi quy mô hình xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng có biến phụ thuộc là logarit của thu nhập bình quân hộ có R² = 0,34, các hệ số đều có ý nghĩa thống kê (pvalue < 0.1) và có ý nghĩa thực tế. Đồng thời các hệ số mang dấu dương để có thể quy điểm.

Bảng 3. Kết quả hồi quy vùng Đồng bằng sông Hồng

I_income	Coef.	Robust Std. Err.	t	P>t	[95% Conf.	Interval]
_Idieuhoa_2	0.3385234	0.0367172	9.22	0	0.266515	0.410532
_Ibangcap_c_1	0.1617546	0.0313546	5.16	0	0.100263	0.223246
_Iphuthuoc_1	0.181579	0.0394033	4.61	0	0.104302	0.258856
_Idieuhoa_1	0.1397816	0.0312269	4.48	0	0.07854	0.201023
oto	0.3810748	0.0519765	7.33	0	0.27914	0.48301
_Iphuthuoc_2	0.1134357	0.0311889	3.64	0	0.052269	0.174602
_Ivieclam_2	0.1429176	0.0287749	4.97	0	0.086485	0.19935
_Ilaodong_2	0.090997	0.0255114	3.57	0	0.040965	0.141029
_Ibangcap_c_3	0.1494724	0.0331629	4.51	0	0.084434	0.21451
_Itrocap_2	0.2143836	0.0436286	4.91	0	0.128821	0.299947
_Itrocap_1	0.1356447	0.034299	3.95	0	0.068379	0.202911
_Idien_4	0.0724709	0.0389966	1.86	0.063	-0.00401	0.14895
_Inhankhau_2	0.4475004	0.0567375	7.89	0	0.336229	0.558772
_Inhankhau_3	0.3601812	0.0488453	7.37	0	0.264387	0.455975
_Inhankhau_4	0.2391421	0.0385704	6.2	0	0.163499	0.314785
_Inhankhau_1	0.5590527	0.0897211	6.23	0	0.383095	0.735011
_Ixemay_2	0.4259381	0.0577549	7.37	0	0.312671	0.539205
_Ixemay_3	0.4831714	0.0668149	7.23	0	0.352136	0.614207
_Ixemay_1	0.3032184	0.0514557	5.89	0	0.202305	0.404132
_Inhankhau_5	0.13873	0.0387447	3.58	0	0.062745	0.214715
_cons	7.340631	0.0725754	101.14	0	7.198298	7.482964

Nguồn: Tính toán của tác giả

➤ ➤ ➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Hệ số các biến độc lập trong mô hình đóng vai trò là quyền số, là căn cứ để tính điểm quy ước cho các chỉ tiêu. Sau khi điều chỉnh điểm các chỉ tiêu để tỷ lệ nghèo thu nhập của cả vùng tính từ biến thu nhập bình quân thống nhất với tỷ lệ nghèo tính từ tổng điểm của hộ, bảng điểm số các chỉ tiêu tại Bảng 4.

Bảng 4. Điều chỉnh điểm các chỉ tiêu vùng Đồng bằng sông Hồng

Tên biến giải thích		Hệ số trong mô hình	Điểm lần 1	Điểm điều chỉnh
	Số nhân khẩu trong hộ			
_Inhankhau_1	- Hộ có 1 người	0.5590527	56	53
_Inhankhau_2	- Hộ có 2 người	0.4475004	45	42
_Inhankhau_3	- Hộ có 3 người	0.3601812	36	34
_Inhankhau_4	- Hộ có 4 người	0.2391421	24	23
_Inhankhau_5	- Hộ có 5 người	0.13873	14	13
	Số người phụ thuộc			
_Iphuthuoc_1	- Không có người nào	0.181579	18	17
_Iphuthuoc_2	- Chỉ có 1 người	0.1134357	11	10
	Tình trạng việc làm			
_Ivieclam_2	- Hộ có ít nhất 1 người làm việc có hợp đồng lao động	0.1429176	14	13
	Số người trong độ tuổi lao động			
_Ilaodong_2	- Hộ có 2 người	0.090997	9	8
	Bằng cấp cao nhất của thành viên hộ			
_Ibangcap_c_1	- Cao đẳng hoặc đại học trở lên	0.1617546	16	15
_Ibangcap_c_3	- Sơ cấp nghề	0.1494724	15	14
	Lương hưu hoặc trợ cấp hằng tháng			
_Itrocap_1	- Có 1 người được hưởng	0.1356447	14	13
_Itrocap_2	- Có từ 2 người trở lên	0.2143836	21	20
	Tiêu thụ điện			
_Idien_4	Từ 150 KW trở lên	0.0724709	7	7
	Tài sản chủ yếu			
_Ixemay_1	1 xe máy, xe có động cơ	0.3032184	30	28
_Ixemay_2	2 xe máy, xe có động cơ	0.4259381	43	40
_Ixemay_3	3 xe máy, xe có động cơ trở lên	0.4831714	48	45
oto	Hộ có ô tô	0.3810748	38	36
_Idieuhoa_1	1 máy điều hòa	0.1397816	14	13
_Idieuhoa_2	Từ 2 máy điều hòa trở lên	0.3385234	34	32

Nguồn: Tính toán của tác giả

Dựa vào điểm điều chỉnh, điểm cắt chung cho các tỉnh Vùng Đồng bằng sông Hồng như Bảng 5.

Bảng 5. Điểm cắt tương ứng mức thu nhập Vùng Đồng bằng sông Hồng

	Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng)	Vùng Đồng bằng Sông Hồng (điểm)			Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng)	Vùng Đồng bằng Sông Hồng (điểm)	
		Nông thôn	Thành thị			Nông thôn	Thành thị
1	1.600	90		7	2.200		125
2	1.700	94		8	2.300		130
3	1.800	96		9	2.400		132
4	1.900	103		10	2.500		136
5	2.000	105		11	2.600		141
6	2.100	106	120				

Nguồn: Tính toán của tác giả

5.3. Xác định điểm cắt của Hà Nội

Hà Nội là 1 trong các tỉnh có thu nhập bình quân đầu người cao nhất cả nước. Tính tới năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn toàn quốc ở Hà Nội là 0%.

Kết quả hồi quy mô hình xây dựng riêng cho Hà Nội có R2 là 0.30, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức pvalue < 0.05.

Bảng 6. Kết quả hồi quy mô hình cho Hà Nội

I_income	Coef.	Std. Err.	t	P>t	[95% Conf. Interval]
_Ibangcap_c_1	0.245447	0.022661	10.83	0	0.201006 0.289888
_Inuocuong_1	0.210696	0.022241	9.47	0	0.167079 0.254312
_Iphuthuoc_1	0.133497	0.027765	4.81	0	0.079048 0.187947
dtsmart	0.235858	0.039024	6.04	0	0.159329 0.312387
_Iphuthuoc_2	0.074465	0.024611	3.03	0.003	0.0262 0.12273
_Inhom_dtic_3	0.079615	0.021206	3.75	0	0.038027 0.121203
_Ivieclam_2	0.149502	0.021529	6.94	0	0.107281 0.191722
_Inhankhau_3	0.226776	0.030136	7.53	0	0.167677 0.285876
mayvitinh	0.116967	0.022086	5.3	0	0.073654 0.160281
_Ibangcap_c_3	0.111551	0.030046	3.71	0	0.052628 0.170475
_Inhankhau_2	0.209958	0.037343	5.62	0	0.136725 0.283191
_Inhankhau_1	0.318351	0.060226	5.29	0	0.200242 0.436461
_Inhankhau_4	0.101761	0.02383	4.27	0	0.055028 0.148494
_cons	7.769912	0.043658	177.97	0	7.684295 7.85553

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng điều chỉnh điểm các chỉ tiêu của Hà Nội (Bảng 7).

Bảng 7. Điều chỉnh điểm các chỉ tiêu của Hà Nội

I_income	Coef.	Điểm số trong mô hình	Điểm điều chỉnh
_Ibangcap_c_1	0.2454469	25	25
_Inuocuong_1	0.2106959	21	21
_Iphuthuoc_1	0.1334971	13	13
dtsmart	0.2358582	24	24
_Iphuthuoc_2	0.0744651	7	7
_Inhom_dtic_3	0.0796146	8	8
_Ivieclam_2	0.1495016	15	15
_Inhankhau_3	0.2267762	23	23
mayvitinh	0.1169673	12	12
_Ibangcap_c_3	0.1115514	11	11
_Inhankhau_2	0.2099577	21	21
_Inhankhau_1	0.3183513	32	32
_Inhankhau_4	0.1017609	10	10

Nguồn: Tính toán của tác giả

Dựa vào điểm điều chỉnh, điểm cắt chung cho Hà Nội như Bảng 8.

Bảng 8. Điểm cắt tương ứng mức thu nhập của Hà Nội

	Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng)	Hà Nội (điểm)	
		Nông thôn	Thành thị
1	1.600	34	
2	1.700	37	
3	1.800	40	
4	1.900	42	
5	2.000	45	
6	2.100	47	62
7	2.200		64
8	2.300		67
9	2.400		70
10	2.500		73
11	2.600		76

Nguồn: Tính toán của tác giả

6. Kết luận và kiến nghị

Nhìn chung PMT là một phương pháp khoa học và đã được ứng dụng trong thực tế

Việt Nam. Ưu điểm chính của phương pháp là giúp giảm gánh nặng điều tra chỉ tiêu thu nhập – một chỉ tiêu đòi hỏi khối lượng nguồn lực lớn để điều tra mà thay bằng việc thu thập thông tin các yếu tố khác thay thế. PMT dựa chủ yếu vào tính hiệu quả của mô hình hồi quy, chính vì vậy việc xây dựng mô hình phục vụ PMT là nhiệm vụ chính quyết định thành công của kết quả. Mô hình PMT phải được xây dựng dựa trên 03 yếu tố là (i) phương pháp chuyên gia, (ii) nguồn số liệu sẵn có tin cậy và (iii) thử nghiệm rộng rãi và lấy ý kiến các bên liên quan. Việc đưa PMT vào thực tiễn cần có sự đồng thuận cao của các địa phương vì kết quả chính của PMT chính là xác định các đối tượng bảo trợ xã hội để có chính sách trực tiếp.

Chuẩn nghèo theo điểm tài sản của địa phương có thể tính toán theo thang điểm của chuẩn nghèo quốc gia hoặc xây dựng mô hình và tính toán riêng theo nhu cầu nguồn lực từng địa phương.

(Xem tiếp trang 47)

(Tiếp theo trang 58)

Các ngưỡng điểm tài sản của địa phương theo thang điểm chuẩn nghèo quốc gia nên được lồng ghép tính toán trong quá trình xây dựng bộ công cụ rà soát nghèo.

Các biến giải thích trong bộ công cụ rà soát nghèo cần được xem xét lồng ghép vào bảng câu hỏi KSMSDC trong giai đoạn áp dụng chuẩn nghèo tương ứng để tránh tình trạng phải ước tính gián tiếp các chỉ tiêu, dẫn đến sai lệch trong tính điểm tài sản.

Mô hình PMT cấp tỉnh có thể được xây dựng hiệu quả hơn mô hình vùng và cả nước vì có thêm các biến đặc trưng riêng từng tỉnh. Trong trường hợp mẫu KSMSDC quá nhỏ, có thể sử dụng lồng ghép module câu hỏi vào Điều tra thu nhập cấp huyện tại địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2021), Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023) Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2024) Quyết định số 134/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
- AusAID, "Targeting the Poorest: An assessment of the proxy means test methodology," 2011.